

Phụ lục

BẢNG DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẢI QUAN VÀ MÃ KBNN

(Ban hành kèm theo Thông tư 11801/TTB-CHQ ngày 30/6/2025 của Cục Hải quan)

Đơn vị Hải quan	Khu vực	TT	Cơ quan hải quan	Cơ quan hải quan (viết tắt)	Mã đơn vị hải quan	Mã cơ quan thu	THÔNG TIN KBNN 15/3/2025			THÔNG TIN KBNN 01/7/2025			Ghi chú		
							Mã KBNN	Tên KBNN	Mã KBNN	Mã NH	Tên KBNN				
Chi cục Hải quan khu vực I															
I		1	Hải quan Bắc Hà Nội	Hải quan Bắc Hà Nội	01E1	2995093	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân			
													7111	TK Thu nộp NSNN	
													3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan	
													3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	
													3942	TK tạm giữ chờ xử lý	
													3512	TK thu thuế tạm nhập - tái xuất	
I		2	Hải quan Khu công nghiệp Bắc Thăng Long	Hải quan KCN Bắc Thăng Long	01NV	2995094	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân			
													7111	TK Thu nộp NSNN	
													3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan	
													3512	Các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất phải trả về thu NS	
													3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	
													3942	Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan hải quan	
I		3	Hải quan Chuyển phát nhanh	Hải quan Chuyển phát nhanh	01DD	2995193	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân			
													7111	TK Thu nộp NSNN	
													3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan	
													3512	Các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất phải trả về thu NS	
													3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	
													3942	Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan hải quan	

Handwritten signature

I	4	Hải quan ga đường sắt quốc tế Yên Viên	Hải quan ga đường sắt quốc tế Yên Viên	01SI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995097	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền						
I	5	Hải quan Gia Thụy	Hải quan Gia Thụy	01IK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995096	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền						
I	6	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài	Hải quan CK sân bay quốc tế Nội Bài	01AB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995092	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	01701021	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Đông Anh
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền						
I	7	Hải quan Hòa Lạc	Hải quan Hòa Lạc	01MI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995238	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3592	Phạt thu khác						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						
I	8	Hải quan Vinh Phúc	Hải quan Vinh Phúc	01PL	7111	TK Thu nộp NSNN	2995192	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền						
I	8	Hải quan Vinh Phúc	Hải quan Vinh Phúc	01PR	7111	TK Thu nộp NSNN	2995236	1219	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	25701016	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Phúc Yên
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan						
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác						

I	9	Hải quan Phú Thọ	Hải quan Phú Thọ	01PJ	7111	TK Thu nộp NSNN	2995239	1261	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	1261	25701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Phú Thọ
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3582	Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan hải quan							
I	10	Hải quan Hòa Bình	Hải quan Hòa Bình	01PQ	7111	TK Thu nộp NSNN	2995507	2673	Phòng Giao dịch số 24 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	1279	25701023	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hòa Bình
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan hải quan							
I	11	Đội phục tập và Kiểm tra sau thông quan - Hải quan KV I	Đội phục tập và KTSTQ	Q01Q	8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền	2995195	0023	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0023	01701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Cầu Giấy
					7111	TK Thu nộp NSNN							
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền							
I	12	Phòng Nghiệp vụ Hải quan - Hải quan KV I	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	K01K	7111	TK Thu nộp NSNN	2995194	0023	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0023	01701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Cầu Giấy
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
I	13	Chi cục Hải quan khu vực I	Chi cục Hải quan khu vực I										
Chi cục Hải quan khu vực II													
II	I	Hải quan Khu công nghệ cao	Hải quan Khu công nghệ cao	02F3	7111	Thu nộp NSNN	2995248	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
		Hải quan Khu công nghệ cao (Đội Đầu tư)	Hải quan Khu công nghệ cao (Đội Đầu tư)	02PG	3712	Tiền gửi thu phí	2995224	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
					7111	Thu nộp NSNN							
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi tạm giữ chờ xử lý							

*II	2	Hải quan Khu chế xuất Linh Trung	Hải quan KCX Linh Trung	02F1, 02F2	7111	Thu nộp NSNN	2995083	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức						
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan													
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu													
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo													
					3942	Tiền gửi phạt VPHC													
II	3	Hải quan Khu chế xuất Tân Thuận (Đội gia công)	Hải quan KCX Tân Thuận	02XE	7111	Thu nộp NSNN	2995082	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0130	79701007	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Quận 7						
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan													
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo													
					7111	Thu nộp NSNN								2995181	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan													
II	4	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 1	02CI, C02I, 02CX, E02E	7111	Thu nộp NSNN	2995342	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức						
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan													
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu													
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo													
					3942	Tiền gửi phạt VPHC													
II	5	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 2	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 2	02CV	7111	Thu nộp NSNN	2995255	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0130	79701007	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Quận 7						
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan													
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu													
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo													
					3942	Tiền gửi phạt VPHC													

II	6	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 3	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 3	02H1, 02H2, 02H3	7111	Thu nộp NSNN	2995079	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan						
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu						
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
II	7	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 4	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 4	02JK, 102K01, 102K02, 102K03, 102K04	7111	Thu nộp NSNN	2995080	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan						
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu						
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
II	8	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	Hải quan CK sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	02B1	7111	Thu nộp NSNN	2995081	0120	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701013	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bình Thạnh
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan						
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu						
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
II	9	Hải quan Chuyển phát nhanh	Hải quan Chuyển phát nhanh	02DS	7111	Thu nộp NSNN	2995431	0122	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Tân Bình
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan						
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu						
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
II	10	Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Tàu	Hải quan CK cảng Vũng Tàu	51CB	7111	TK thu nộp NSNN	2995105	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu
					3511	TK tạm gửi						
					3512	TK thuế tạm thu						

I	11	Hải quan cửa khẩu cảng Cát Lở	Hải quan CK cảng Cát Lở	51BE	7111 3511 3512 3942	TK thu nộp NSNN TK thu phí hải quan TK tiền gửi các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất TK tạm giữ, chờ xử lý	2995106	1719	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0141	79701034	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Vũng Tàu
II	12	Hải quan cửa khẩu cảng Phú Mỹ	Hải quan CK cảng Phú Mỹ	51CI	7111 3511 3512 3712 3942	TK thu nộp NSNN TK thu phí Hải quan TK tạm thu TK thu phí Hải quan TK tạm giữ	2995108	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0138	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu
		Đội nghiệp vụ hải quan cảng SP-PSA - Hải quan cửa khẩu cảng Phú Mỹ	Đội nghiệp vụ HQ cảng SP-PSA - Hải quan CK cảng Phú Mỹ	51C2	7111 3511 3512 3942	TK thu nộp NSNN TK thu phí Hải quan TK tạm thu TK tạm giữ	2995232						
II	13	Hải quan cửa khẩu cảng Cầu Mép	Hải quan CK cảng Cầu Mép	51CI	7111 3511 3512 3712 3942	TK thu nộp NSNN TK thu phí, lệ phí chờ nộp ngân sách TK thuế tạm thu TK thu phí Hải quan - (Chuyển về Cục HQ tính) TK tạm thu, tạm giữ chờ xử lý	2995231	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0138	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu
II	14	Hải quan Cửa Lở	Hải quan Cửa Lở	51CH	7111 3512 3942	TK thu nộp NSNN TK thu thuế tạm thu TK tạm giữ, chờ xử lý	2995076	1719	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0141	79701034	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Vũng Tàu
II	15	Hải quan cửa khẩu cảng tổng hợp Bình Dương	Hải quan CK cảng tổng hợp Bình Dương	43CN	7111 3511 3591 3512	Thu nộp ngân sách nhà nước TK thu phí, lệ phí HQ TK thuế tạm thu SXXX TK thuế tạm thu TNTX	2995490	1811	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0143	79701028	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bình Dương

II	16	Hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Hải quan KCN Việt Nam - Singapore	43NF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995147	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
					3591	TK thuế tạm thu SXXK							
					8951	TK tạm giữ							
II	17	Hải quan Khu công nghiệp Mỹ Phước	Hải quan KCN Mỹ Phước	43K1	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995149	1820	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0145	79701029	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bàu Bàng
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				43K4	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK thuế tạm thu SXXK							
II	18	Hải quan Khu công nghiệp Sông Thần	Hải quan KCN Sông Thần	43ND	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995145	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK thuế tạm thu SXXK							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
				43IH	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995144	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	
II	19	Hải quan Khu công nghiệp Sông Thần	Hải quan KCN Sông Thần		3511	TK thu phí, lệ phí HQ							KBNN Bình Dương
					3591	TK thuế tạm thu SXXK							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
				43PC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995478	1811	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0143	79701028	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
II	20	Hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore		3591	TK thuế tạm thu SXXK							KBNN Dĩ An
					4912	TK tạm giữ							
				43NG	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995148	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				43PB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
II	21	Hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Hải quan KCN Việt Nam - Singapore		3512	TK thuế tạm thu TNTX							KBNN Dĩ An

II	22	Đội phúc tập và Kiểm tra sau thông quan - Hải quan KV II	Đội phúc tập và KTSTQ	Q02Q	7111	Thu nộp NSNN	2995182	0122	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Tân Bình
					8951	Tài khoản hoàn thuế						
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan						
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu						
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
II	23	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Q02M	3942	Tiền gửi phạt VPHC	1058536	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
					3942	Tiền gửi phạt VPHC						
					7111	Thu nộp NSNN						
Chi cục Hải quan khu vực III												
III	1	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 1	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 1	03CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995022	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3591	TK tạm thu						
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ						
III	2	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 2	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 2	03CE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995023	0064	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	31701013	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Lê Chân
					8951	TK hoàn trả các khoản thu năm trước						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3591	TK tạm thu						
III	3	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 3	03TG	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995024	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An	
					3591	TK tạm thu						
					7111	TK Thu nộp NSNN						
III	4	Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ	Hải quan CK cảng Đình Vũ	03EE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995119	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3591	TK tạm thu						
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ						

III	5	Hải quan Khu chế xuất và Khu công nghiệp Hải Phòng	Hải quan KCX và KCN Hải Phòng	03NK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995118	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An Phòng Kế toán Nhà nước
					3591	TK tạm thu						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
		Hải quan Khu chế xuất và Khu công nghiệp Hải Phòng (Đội đầu tư, gia công)	Hải quan KCX và KCN Hải Phòng (Đội DT, GC)	03PA	7111	TK Thu nộp NSNN	2995117	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An Phòng Kế toán Nhà nước
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
III	6	Hải quan Hải Dương	Hải quan Hải Dương	03PJ	3591	TK tạm thu						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					7111	TK Thu nộp NSNN	2995027	0361	Kho bạc Nhà nước khu vực V	0077	31701020	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực III
	7	Chi cục Hải quan khu vực III	Chi cục Hải quan khu vực III	03	7111	TK Thu nộp NSNN	1056988	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
III	8	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q03M	7111	TK Thu nộp NSNN	2995121	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước
	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	K03K	7111	TK Thu nộp NSNN	2995120	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước

Chi cục Hải quan khu vực IV

IV	1	Hải quan Hưng Yên	Hải quan Hưng Yên	03PL	7111	TK Thu nộp NSNN	2995123	0412	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0412	33701003	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Mỹ Hào
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
IV	2	Hải quan Thái Bình	Hải quan Thái Bình	03CD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995122	0470	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	0422	33701012	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Thái Bình
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
IV	3	Hải quan Hà Nam	Hải quan Hà Nam	28NJ	3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách	2995125	0318	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1325	33701013	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Hà Nam
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
					3591	TK Các khoản tạm thu khác							
					7111	TK Thu ngân sách nhà nước							
					3711	TK tiền gửi tại KBNN							

IV	4	Hải quan Nam Định	Hải quan Nam Định	28PE	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995031	0272	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1321	37701018	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Nam Định
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
IV	5	Hải quan Ninh Bình	Hải quan Ninh Bình	28PC	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995033	1320	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1311	37701001	Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Ninh Bình
					3511	TK thu phí, lệ phí hải quan							
IV	6	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	K28K	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	1124095	1320	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên
IV	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	28QH	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995529	1320	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên
					3942	Tạm giữ chờ xử lý							
				89	7111					0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên
Chi cục Hải quan khu vực V													
V	1	Hải quan Bắc Ninh	Hải quan Bắc Ninh	18A3	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995100	1120	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1172	24701014	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Bắc Ninh
					3511	TK tạm thu lệ phí							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
V	2	Hải quan cảng nội địa Tiên Sơn	Hải quan cảng nội địa Tiên Sơn	18ID	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995339	1118	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1174	24701015	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Từ Sơn
					3942	TK thu nộp thuế tạm thu và các khoản tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	3	Hải quan Khu công nghiệp Yên Phong	Hải quan KCN Yên Phong	18BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995523	1118	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1174	24701015	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Từ Sơn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	4	Hải quan Bắc Giang	Hải quan Bắc Giang	18BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995127	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI	1161	24701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Bắc Giang
					3942	TK tạm giữ cơ quan Hải quan							
					3591	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	5	Hải quan Thái Nguyên	Hải quan Thái Nguyên	18B1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995004	2261	Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2261	19701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước	Thái Nguyên
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi							
V	6	Hải quan Bắc Kạn	Hải quan Bắc Kạn	11PK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995206	2320	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2271	19701013	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Bắc Kạn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995206						

V	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q18E	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995440	1120	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1172	24701014	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Bắc Ninh
V	8	Chi cục Hải quan khu vực V	Chi cục Hải quan khu vực V										
Chi cục Hải quan khu vực VI													
VI	1	Hải quan cửa khẩu ga đường sắt quốc tế Đồng Đăng	Hải quan CK ga đường sắt QT Đồng Đăng	15SI	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995015	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	2	Hải quan cửa khẩu Cốc Nam	Hải quan CK Cốc Nam	15BD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995189	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	3	Hải quan cửa khẩu Chi Ma	Hải quan CK Chi Ma	15BC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995190	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị	Hải quan CK quốc tế Hữu Nghị	15BB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995013	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	5	Hải quan cửa khẩu Tân Thanh	Hải quan CK Tân Thanh	15BE	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995014	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	6	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P15A	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	1058538	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q15L	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995335	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	8	Chi cục Hải quan khu vực VI	Chi cục Hải quan khu vực VI	15ZZ	3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	2995335	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3712	TK kết chuyển thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							

[illegible]

VII	7	Hải quan cửa khẩu cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thàng	Hải quan CK CK quốc tế Ma Lò Thàng	12H1	3511	TK tiền gửi (phi Hải quan)	2995265	3163	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	12701004	3163	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	KBNN Phong Thổ
				Q13H	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995270	2621	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	15701013	2572	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	
					3591	TK tiền gửi (phi Hải quan)							
VII	8	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ		7111	TK thu NSNN							
VII	9	Chi cục Hải quan khu vực VII	Chi cục Hải quan khu vực VII		7111	TK thu NSNN	1058537	2621	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	15701013	2572	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	KBNN Lào Cai
Chi cục Hải quan khu vực VIII													
VIII	1	Hải quan cửa khẩu quốc tế Móng Cái	Hải quan CK quốc tế Móng Cái	20BB	7111	TK thu NSNN	2995017	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701006	2818	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3511	TK tiền gửi thu phí hải quan	2995020	2814	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701002	2814	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Tiên Yên
					3591	TK tạm thu phí							
					3942	TK tạm giữ tiền phạt VPHC							
					7111	Thu NSNN							
VIII	2	Hải quan cửa khẩu Hoàng Mô	Hải quan cửa khẩu Hoàng Mô	20BC	3511	TK tiền gửi phi, lệ phí chờ nộp NS	2995060	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701006	2818	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3512	TK tạm thu thuế TNTX, SXXK							
					3712	TK tiền gửi thu phí							
					3713	TK tiền gửi khác							
					3942	TK tài sản tạm giữ chờ xử lý							
VIII	3	Hải quan cửa khẩu Bắc Phong Sinh	Hải quan cửa khẩu Bắc Phong Sinh	20BD	7111	Tải khoản thu NSNN	2995019	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701019	2827	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					3511	Thu phí, lệ phí	2995019	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701019	2827	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					7111	Thu NSNN							
VIII	4	Hải quan cửa khẩu cảng Hòn Gai	Hải quan CK cảng Hòn Gai	20CF	3511	Tải khoản thu phí, lệ phí	2995019	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701019	2827	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					3512	Tải khoản tạm thu thuế hàng TNTX, SXXK							
					3712	Tải khoản tiền gửi thu phí	2995019	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	22701019	2827	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
VIII					3713	Tải khoản tiền gửi khác							
					3942	Tải khoản tạm giữ, chờ xử lý							

VIII	5	Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả	Hải quan CK cảng Cẩm Phả	20CG	7111	Thu NSNN	2995021	2813	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2813	22701015	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Cẩm Phả
					3511	Thu phí, lệ phí							
					3713	Tiền gửi							
					8951	Hoàn thuế							
					3711	Tiền gửi							
VIII	6	Hải quan cửa khẩu cảng Vạn Gia	Hải quan CK cảng Vạn Gia	20CE	7111	TK thu NSNN	2995061	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3511	Thu phí, lệ phí							
					3512	Tạm thu thuế hàng TNTX, SXKK							
					3713	Nhận và thanh toán các khoản khác							
					3942	Thu các khoản tạm thu khác							
VIII	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	20QK	7111	Tài khoản thu NSNN	2995187	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2827	22701019	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					3511	TK tiền gửi phí, lệ phí chờ nộp NS	2995061						
					3512	TK tạm thu thuế TNTX, SXKK	2995061						
					3713	TK tiền gửi khác	2995061						
VIII	8	Đội Kiểm soát Hải quan	Đội Kiểm soát Hải quan	D20E	7111	Tài khoản thu NSNN	2995276	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3942	Cơ quan Hải quan							
					3713	Tiền gửi khác							
		Chi cục Hải quan khu vực VIII	Chi cục Hải quan khu vực VIII										

Chi cục Hải quan khu vực IX

IX	1	Hải quan cửa khẩu quốc tế Cha Lo	Hải quan CK quốc tế Cha Lo	31BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995288	1513	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1513	44701004	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình
					3712	Tài khoản tiền gửi phí HQ							
					3713	Tài khoản tiền gửi khác							
IX	2	Hải quan cửa khẩu cảng Hòn La	Hải quan CK cảng Hòn La	31CD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995286	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
IX	3	Hải quan cửa khẩu Cà Roòng	Hải quan cửa khẩu Cà Roòng	31BF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995287	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình

IX	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Lao Bảo	Hải quan CK quốc tế Lao Bảo	32BB	7111 3511 3591	TK Thu nộp NSNN TK thu phí, lệ phí HQ TK tạm thu thuế, tạm thu TNTX	2995044	1562	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1524	44701016	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hướng Hoá
IX	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế La Lay	Hải quan CK quốc tế La Lay	32BC	7111 3511 3942 3941	TK Thu nộp NSNN TK tạm thu phí, lệ phí HQ TK tạm giữ (Tiền bán hàng tịch thu) TK tiền gửi (bán hàng tịch thu) của Sở TC	2995290	1571	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1521	44701012	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Trị
IX	6	Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Việt	Hải quan CK cảng Cửa Việt	32CD	7111 3591 3511 3712 3942 3941	TK Thu nộp NSNN TK tạm thu thuế, tạm thu TNTX TK tạm thu phí, lệ phí HQ TK thu phí, lệ phí HQ TK tạm giữ (Tiền bán hàng tịch thu) TK tiền gửi (bán hàng tịch thu) của Sở TC	2995046	1571	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1521	44701012	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Trị
IX	7	Hải quan Thủy An	Hải quan Thủy An	33PD	7111 3511	TK thu nộp NSNN TK tạm thu phí, lệ phí HQ	2995048	1619	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1619	46701010	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Hương Thủy
IX	8	Hải quan cửa khẩu cảng Chân Mây	Hải quan CK cảng Chân Mây	33CF	7111 3511	TK thu nộp NSNN TK thu phí, lệ phí hải quan	2995136	1615	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1615	46701007	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Phú Lộc
IX	9	Hải quan cửa khẩu A Đớt	Hải quan cửa khẩu A Đớt	33BA	7111 3511	TK thu nộp NSNN TK thu phí, lệ phí hải quan	2995369	1617	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1617	46701003	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN A Lưới
IX	10	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	31PA	7111 3713 3949	TK Thu nộp NSNN TK thu phí, lệ phí Hải quan Tài khoản tạm giữ	2995351	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình
IX		Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ										
IX	11	Chi cục Hải quan khu vực IX	Chi cục Hải quan khu vực IX	31	7111	TK Thu nộp NSNN							

Chi cục Hải quan khu vực X

X	1	Hải quan cửa khẩu cảng Thanh Hóa	Hải quan CK cảng Thanh Hóa	27F1	7111	TK thu nộp NSNN	2995034	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
X	2	Hải quan cửa khẩu cảng Nghi Sơn	Hải quan CK cảng Nghi Sơn	27F2	7111	TK thu nộp NSNN	2995128	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK tiền gửi thu lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
X	3	Hải quan cửa khẩu quốc tế Na Mèo	Hải quan CK quốc tế Na Mèo	27B1	7111	TK thu nộp NSNN	2995035	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK tiền gửi thu lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3582	TK chờ xử lý các khoản thu							
					3949	TK tiền gửi từ thu phạt và tạm giữ chờ xử lý							
X	4	Hải quan Sơn La	Hải quan Sơn La	12F1	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995263	2724	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2711	14701001	Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Sơn La
					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
		Đội Chiếng Khương - Hải quan Sơn La	Đội Chiếng Khương - Hải quan Sơn La	12B1	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995264	2714	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2714	14701010	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	KBNN Sông Mã
X	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Lông Sập	Hải quan CK quốc tế Lông Sập	12BE	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995266	2715	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2715	14701005	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	KBNN Mộc Châu
					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
X	6	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q27H	7111	TK thu nộp NSNN	2995129	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3942	TK tiền gửi từ thu phạt và tạm giữ chờ xử lý							
X	7	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P27A	7111	TK thu nộp NSNN	2995196	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3949	TK tiền gửi tạm giữ chờ xử lý							
		Chi cục Hải quan khu vực X	Chi cục Hải quan khu vực X										

CWA

Chi cục Hải quan khu vực XI

XI	1	Hải quan cửa khẩu Thanh Thủy	29BH	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995442	1417	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1417	40701005	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nam Đàn
				3942	TK tiền gửi thuế tạm thu							
				3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
				3942	Tk phí, lệ phí							
				3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XI	2	Hải quan Vinh	29PF	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995279	1434	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1434	40701025	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nghệ An
				3511	TK tiền gửi thu phí HQ							
				3591	TK tiền gửi thuế tạm thu							
				3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
				3942	Tk phí, lệ phí							
XI	3	Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Lò	29CC	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995280	1435	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1434	40701025	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nghệ An
				3511	TK tiền gửi thu phí HQ							
				3591	TK tiền gửi thuế tạm thu							
				3942	Tk phí, lệ phí							
				3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
XI	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	29BB	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995040	1427	Phòng Giao dịch số 26 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1427	40701011	Phòng Giao dịch số 26 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Kỳ Sơn
				3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
				3591	TK tiền gửi tại KBNN (tiền xử phạt VPHC)							
				3512	TK tạm thu							
				3942	Tk phí, lệ phí							
XI	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	30BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995132	1462	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1462	42701002	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hương Sơn
				3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				3591	TK tạm giữ của chi cục							
				8951	TK hoàn trả của Chi cục							
				3942	TK tạm thu của Chi cục							

XI	6	Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng	Hải quan CK cảng Vũng Áng	30F1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995133	1469	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1469	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Kỳ Anh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3512	TK tiền gửi của chi cục						
					3712	TK tạm giữ LPQC						
					8951	TK hoàn trả của Chi cục						
XI	7	Hải quan cửa khẩu cảng Xuân Hải	Hải quan CK cảng Xuân Hải	30CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995042	1470	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1470	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hồng Lĩnh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3712	TK tạm giữ LPQC						
XI	8	Chi cục Hải quan khu vực XI	Chi cục Hải quan khu vực XI									
XI	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P30A	7111	TK Thu nộp NSNN	2995282	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Hà Tĩnh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ						
					3941	TK trích nộp kinh phí CBL						
XI	10	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q30H	7111	TK Thu nộp NSNN	2995284	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Hà Tĩnh
Chi cục Hải quan khu vực XII												
XII	1	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng	Hải quan CK sân bay quốc tế Đà Nẵng	34AB	7111	TK thu, nộp NSNN	2995053	0166	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0166	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Liên Chiểu
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu						
					3591	TK tạm thu thuế và phí hải quan của DN nộp trước (trừ lùi)						
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý						
					3511	TK tiền gửi phí và lệ phí hải quan						
					3582	TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhầm)						

XII	2	Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng	Hải quan CK cảng Đà Nẵng	34CE	TK thu, nộp NSNN 7111 TK thu, nộp thuế tạm thu 3942 TK tạm giữ chờ xử lý 3942 TK tiền gửi phi và lệ phí hải quan 3511 TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhầm) 3582	2995052	0168	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0168	48701008	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Cẩm Lệ
XII	3	Hải quan Khu công nghiệp Đà Nẵng	Hải quan KCN Đà Nẵng (Đội ĐT, GC)	34CC	TK thu, nộp NSNN 7111 TK thu, nộp thuế tạm thu 3942 TK tạm giữ chờ xử lý 3942 TK tiền gửi phi và lệ phí hải quan 3511 TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhầm) 3591	2995051	0170	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0161	48701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII XIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Đà Nẵng
XII	4	Hải quan Khu công nghiệp Đà Nẵng	Hải quan KCN Đà Nẵng	34NG	TK thu, nộp NSNN 7111 TK thu, nộp thuế tạm thu 3942 TK tạm giữ chờ xử lý 3942 TK tiền gửi phi và lệ phí hải quan 3511 TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhầm) 3591	2995055	0166	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0166	48701007	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Liên Chiểu
XII	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Nam Giang	Hải quan CK quốc tế Nam Giang	60BD	Thu nộp ngân sách nhà nước 7111 Tx tiền gửi thu phi, lệ phí hải quan 3511	2995314	1971	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0176	48701013	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Nam Giang
XII	6	Hải quan Khu công nghiệp Quảng Nam	Hải quan KCN Quảng Nam	60C1 60C2	Thu nộp ngân sách nhà nước 7111 Tx tiền gửi thu phi, lệ phí hải quan 3511 Thu nộp ngân sách nhà nước 7111 Tx tiền gửi thu phi, lệ phí hải quan 3511	2995313	1963	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0179	48701019	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Điện Bàn
XII	7	Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà	Hải quan CK cảng Kỳ Hà	60CB	Thu nộp ngân sách nhà nước 7111 Tx tiền gửi thu phi, lệ phí hải quan 3511	2995320	1961	Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0171	48701021	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Quảng Nam
XII	8	Hải quan cửa khẩu cảng Dung Quất	Hải quan CK cảng Dung Quất	35CB	Tiền gửi tạm giữ chờ xử lý 3942 Tạm thu các khoản thuế chờ nộp ngân sách 3512 Tạm thu phi, lệ phí chờ nộp ngân sách 3511	2995219	2126	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	2126	51701017	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Quảng Ngãi

XII	9	Hải quan các khu công nghiệp Quảng Ngãi	Hải quan các KCN Quảng Ngãi	35NC	7111	Thu NSNN	2995218	2126	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	2126	51701017	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Quảng Ngãi
					3511	Tạm thu phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	Tạm thu các khoản thuế chờ nộp ngân sách							
					3942	Tiền gửi tạm giữ chờ xử lý							
XIV	10	Hải quan cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Hải quan CK quốc tế Bờ Y	38BC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995159	3016	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2129	51701023	Phòng Giao dịch số 25 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Ngọc Hồi
					3511	Tạm thu phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	TK thu thuế tạm thu TNTX							
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XII	11	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q34N	7111	TK thu, nộp NSNN	2995056	0170	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0161	48701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Đà Nẵng
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							

Chi cục Hải quan khu vực XIII

XIII	1	Hải quan cửa khẩu cảng Nha Trang	Hải quan CK cảng Nha Trang	41CB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995063	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
XIII	2	Hải quan cửa khẩu cảng Cam Ranh	Hải quan CK cảng Cam Ranh	41CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995064	2063	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2063	56701003	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Cam Ranh
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							
XIII	3	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Cam Ranh	Hải quan CK sân bay quốc tế Cam Ranh	41AB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995506	2063	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2063	56701003	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Cam Ranh
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							

XIII	4	Hải quan Văn Phòng	Hải quan Văn Phòng	41PE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995138	2067	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2067	56701008	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Ninh Hòa
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							
XIII	5	Hải quan Ninh Thuận	Hải quan Ninh Thuận	41BH	7111	TK Thu nộp NSNN	2995226	2219	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	2070	56701011	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Ninh Thuận
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995141	1672	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	2880	68701025	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Bình Thuận
XIII	6	Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận	Hải quan CK cảng Bình Thuận	47NM	3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							
					7111	TK Thu nộp NSNN	2995066	2874	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2861	68701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Lâm Đồng
XIII	7	Hải quan Đà Lạt	Hải quan Đà Lạt	40D1	3713	TK thu phí, lệ phí HQ và khác							
					3942	TK thu thuế tạm thu							
					7111	TK Thu nộp NSNN	2995216	3064	Phòng Giao dịch số 27 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2878	68701022	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Đắk Lắk
					3511	TK thu phí, lệ phí							
XIII	8	Hải quan cửa khẩu Buprăng	Hải quan cửa khẩu Buprăng	40B1	3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					7111	TK Thu nộp NSNN	1058725	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa
					3511	TK thu phí, lệ phí							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XIII	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P41A	3942	TK Thu các khoản tạm giữ chờ xử lý (Phạt VPHC)							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
					3942	TK Thu các khoản tạm giữ chờ xử lý							
					7111	TK Thu nộp NSNN	2995139	2067	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa
XIII	10	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q41G	7111	TK Thu nộp NSNN							

XVI	3	Hải quan cửa khẩu Sóc Giang	Hải quan cửa khẩu Sóc Giang	11BF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995116	2364	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2364	04701005	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Hà Quảng
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XVI	4	Hải quan cửa khẩu Pô Peo	Hải quan cửa khẩu Pô Peo	11BH	7111	TK Thu nộp NSNN	2995006	2370	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2370	04701008	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Trùng Khánh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					7111	TK Thu nộp NSNN	2995005	2367	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2367	04701002	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Quảng Hoà
XVI	5	Hải quan cửa khẩu Lý Vạn	Hải quan cửa khẩu Lý Vạn	11G1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995227						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				11G2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995101	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
XVI	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy	Hải quan CK quốc tế Thanh Thủy	10BB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XVI	7	Hải quan cửa khẩu Xin Mần	Hải quan cửa khẩu Xin Mần	10BC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995103	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
XVI	8	Hải quan cửa khẩu Sầm Pun	Hải quan cửa khẩu Sầm Pun		3582	Chờ xử lý các khoản thu của CQ Hải quan							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
				10BF	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995324	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
XVI	9	Hải quan cửa khẩu Tuyên Quang	Hải quan cửa khẩu Tuyên Quang		3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
				10BI	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995444	2469	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2461	08701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Tuyên Quang
XVI					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
					3582	Chờ xử lý các khoản thu của CQ Hải quan							
XVI					3512	TK thu thuế tạm thu							

XVII	1	Hải quan Đức Hòa	Hải quan Đức Hòa	48B1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995301	0516	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0516	80701012	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đức Hòa
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	2	Hải quan cửa khẩu cảng quốc tế Long An	Hải quan CK cảng quốc tế Long An	48CF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995085	0514	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0514	80701004	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Bến Lức
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	3	Hải quan cửa khẩu Mỹ Quý Tây	Hải quan cửa khẩu Mỹ Quý Tây	48BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995089	0516	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0516	80701012	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đức Hòa
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Binh Hiệp	Hải quan CK quốc tế Binh Hiệp	48BD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995087	0526	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0526	80701016	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Kiến Tường
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Mộc Bài	Hải quan CK quốc tế Mộc Bài	45B1 45B2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995114	1917	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0528	80701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Gò Dầu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Xa Mát	Hải quan CK quốc tế Xa Mát	45C1 45C2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995113	1914	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0529	80701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Châu Thành
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							

XVII	7	Hải quan cửa khẩu Phước Tấn	Hải quan cửa khẩu Phước Tấn	45BD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995215	1914	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0529	80701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Châu Thành
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	8	Hải quan cửa khẩu Ká Tum	Hải quan cửa khẩu Ká Tum	45BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995115	1915	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0530	80701018	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Dương Minh Châu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	9	Hải quan Khu công nghiệp Trảng Bàng	Hải quan KCN Trảng Bàng	45F1 45F2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995214	1917	Phòng Giao dịch số 11- Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0528	80701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Gò Dầu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	10	Đội kiểm soát HQ Long An	Đội kiểm soát HQ Long An	48VF	7111	TK Thu nộp NSNN	2295152	0511	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0511	80701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Long An
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							

Chỉ cục Hải quan khu vực XVIII

XVIII	1	Hải quan Biên Hòa	Hải quan Biên Hòa	47NB	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995069	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
					3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							
XVIII	2	Hải quan Thống Nhất	Hải quan Thống Nhất	47NF	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995070	1771	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1771	75701005	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Thống Nhất
					3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							

XVIII	3	Hải quan Khu chế xuất Long Bình	Hải quan KCX Long Bình	47XE	Tải khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính Tải khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất Tải khoản nộp thuế tạm thu khác Tải khoản nộp phi, lệ phí hải quan	2995072	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
XVIII	4	Hải quan Long Bình Tân	Hải quan Long Bình Tân	4711 4712	Tải khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính Tải khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất Tải khoản nộp thuế tạm thu khác Tải khoản nộp phi, lệ phí hải quan	2995071	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
XVIII	5	Hải quan cửa khẩu cảng Đồng Nai	Hải quan CK cảng Đồng Nai	47D1	Tải khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính Tải khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất Tải khoản nộp thuế tạm thu khác Tải khoản nộp phi, lệ phí hải quan	2995074	1767	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1767	75701008	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Long Thành
XVIII	6	Hải quan cửa khẩu cảng Nhơn Trạch	Hải quan CK cảng Nhơn Trạch	47NG	Tải khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính Tải khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất Tải khoản nộp thuế tạm thu khác Tải khoản nộp phi, lệ phí hải quan	2995073	1767	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1767	75701008	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Long Thành
XVIII	7	Hải quan cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	Hải quan CK quốc tế Hoa Lư	61BA	TK Thu nộp NSNN TK thu phi, lệ phí HQ TK tạm thu hàng TN-TX	2995318	1868	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	1778	75701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Bù Đốp
XVIII	8	Hải quan cửa khẩu Hoàng Diệu	Hải quan cửa khẩu Hoàng Diệu	61BB	TK Thu nộp NSNN TK thuế tạm thu, tạm gửi TK thu phi, lệ phí HQ TK Tiền tạm gửi, tạm giữ chờ xử lý	2995143	1868	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	1778	75701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Bù Đốp
XVIII	9	Hải quan cửa khẩu Lộc Thịnh	Hải quan cửa khẩu Lộc Thịnh	61BC	TK Thu nộp NSNN TK thu phi, lệ phí HQ TK thuế tạm thu, tạm gửi	2995522	1868	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	1778	75701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Bù Đốp



XVIII	10	Hải quan Chơn Thành	Hải quan Chơn Thành	61PA	3942	TK tạm giữ XVP/PHC	2995317	1869	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	1777	75701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Hớn Quản	
					7111	TK Thu nộp NSNN								
					3582	TK chờ xử lý								
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					3512	TK thuế tạm thu, tạm giữ								
XVIII	11	Đội nghiệp vụ 2 - Hải quan cửa khẩu cảng Đồng Nai	Đội nghiệp vụ 2 - Hải quan CK cảng Đồng Nai	Q47N	3942	TK	2995299	1767	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1767	75701008	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Long Thành	
					7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính								2995297
					7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính								
					7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính								
					XVIII	12								
7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính													
7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính													
3712	Phí chuyển nộp ngân sách (chuyển nộp về đơn vị dự toán)													
Chi cục Hải quan khu vực XIX														
XIX	1	Hải quan Tây Đô	Hải quan Tây Đô	54PH	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995002	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					3512	TK thu thuế tạm thu								
XIX	2	Hải quan Hậu Giang	Hải quan Hậu Giang	54CE	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995525	3114	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0874	92701015	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Châu Thành A	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					7111	Thu nộp ngân sách nhà nước								
XIX	3	Hải quan cửa khẩu cảng Cần Thơ	Hải quan cửa khẩu cảng Cần Thơ	54CB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995001	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					3512	TK thu thuế tạm thu								
XIX	4	Hải quan cửa khẩu cảng Trà Vinh	Hải quan CK cảng Trà Vinh	54CF	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995531	1011	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0721	86701013	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Trà Vinh	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					3512	TK thu thuế tạm thu								
XIX	5	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long	54CD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995016	0720	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0720	86701011	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Vĩnh Long	
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ								
					3512	TK thu thuế tạm thu								

XIX	6	Hải quan Sóc Trăng	Hải quan Sóc Trăng	54PK	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995428	1073	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0875	92701016	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Sóc Trăng
XIX	7	Hải quan Bạc Liêu	Hải quan Bạc Liêu	59BE	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995528	0919	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0972	96701016	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Bạc Liêu
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
					3942	Tài khoản tiền gửi thuế tạm thu chờ xử lý của cơ quan Hải quan							
XIX	8	Hải quan Cà Mau	Hải quan Cà Mau	59BD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995000	0971	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0971	96701012	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Cà Mau
					3712	Tiền gửi phí hải quan của đơn vị dự toán							
					3942	Tài khoản tiền gửi thuế tạm thu chờ xử lý của cơ quan Hải quan							
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
XIX	9	Hải quan Bến Tre	Hải quan Bến Tre	48BG	7111	TK Thu nộp NSNN	2995527	0623	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0727	86701018	Phòng Giao dịch số 23 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Bến Tre
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
	10	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	54KK	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	1058922	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ
	11	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q54J	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995309	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
					7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							

Chi cục Hải quan khu vực XX

XX	1	Hải quan cửa khẩu Cảng Mỹ Thới	Hải quan CK Cảng Mỹ Thới	50CE	8951	TK Hoàn thuế	2995041	0773	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0827	91701022	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN An Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XX	2	Hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	Hải quan CK quốc tế Tịnh Biên	50BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995036	0762	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0828	91701018	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Trì Tôn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3582	TK tạm giữ							
XX	3	Hải quan cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương	Hải quan CK quốc tế Vĩnh Xương	50BD	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995037	0764	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0830	91701019	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Phú
					7111	TK Thu nộp NSNN							

XX	4	Hải quan cửa khẩu Khánh Bình	Hải quan cửa khẩu Khánh Bình	50BK	3511 3591 7111	TK thu phí, lệ phí HQ TK tiền gửi thuế tạm thu khác TK Thu nộp NSNN	2995155	0767	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0829	91701017	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Đốc
XX	5	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	50BC	3591 3511 7111	TK tiền gửi thuế tạm thu khác TK thu phí, lệ phí HQ TK Thu nộp NSNN	2995032	0767	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0829	91701017	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Đốc
XX	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Đinh Bà	Hải quan CK quốc tế Đinh Bà	49BG	7111 3511 3512 3751	Thu nộp NSNN Tạm thu phí, lệ phí TK tiền gửi thuế tạm thu Tiền gửi khác	2995212	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
XX	7	Hải quan cửa khẩu quốc tế Thương Phước	Hải quan CK quốc tế Thương Phước	49BB	7111 3511 3512 3591 3713 3751 3942	Thu nộp NSNN Tạm thu phí, lệ phí Tạm thu các khoản thuế TNTX TK tiền gửi tạm thu khác Tiền gửi khác đơn vị dự toán Tiền gửi khác Tiền gửi phải trả tiền, tài sản chờ xử lý	2995090	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
XX	8	Hải quan cửa khẩu Cảng Đông Tháp	Hải quan CK cảng Đông Tháp	49C1	7111 3511 3512	Thu nộp NSNN Tạm thu phí, lệ phí TK tiền gửi thuế tạm thu	2995210	0674	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0574	82701016	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đồng Tháp
				49C2	7111 3511 3512	Thu nộp NSNN Tài khoản phí, lệ phí TK tiền gửi thuế tạm thu	2995211	0662	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0579	82701020	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Sa Đéc
XX	9	Đội kiểm soát Hải quan Đồng Tháp	Đội kiểm soát Hải quan Đồng Tháp	V49H	7111	Thu nộp NSNN	2995225	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
XX	10	Hải quan cửa khẩu quốc tế Phú Quốc	Hải quan CK QT Phú Quốc	53CH	7111 3942	TK Thu nộp NSNN TK tạm giữ chờ xử lý (Thuế tạm thu)	2995111	0821	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0821	91701007	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Phú Quốc